

NỘI DUNG

- ❖ LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN
- ❖ PHƯƠNG CHÂM HOẠT ĐỘNG - ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
- ❖ BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- ❖ BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC - KẾ HOẠCH 2010
- ❖ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
- ❖ TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG

1. Quá trình thành lập

Ngày 29/12/2006 Công ty cổ phần chứng khoán Phương đông (ORS) được thành lập theo quyết định số 49/UBCK-GPHĐKD ngày 29/12 /2006 của UBCKNN và đăng ký kinh doanh số: 4103005822 ngày 28/12/2006 tại Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM với số vốn điều lệ ban đầu là 60 tỷ đồng. Nhìn nhận tương lai phát triển của thị trường chứng khoán, với khả năng tiềm lực sẵn có của các cổ đông sáng lập vốn là tổ chức tài chính lớn, có nhiều kinh nghiệm và quan hệ trong lĩnh vực đầu tư, tài chính, có tiềm lực mạnh về vốn và công nghệ bao gồm: Ngân hàng TMCP Phương Đông, Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (Savico), Tổng công ty Bến Thành (Sunimex),...đã thành lập Công ty cổ phần chứng khoán Phương Đông.

Ngày 17/05/2007 công ty Chứng khoán Phương Đông được công nhận là thành viên của Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh nay là : Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh và chính thức khai trương hoạt động. Là công ty chứng khoán được cấp phép hoạt động đối với tất cả các nghiệp vụ được phép của một công ty chứng khoán theo luật hiện hành bao gồm: môi giới, tự doanh, tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính, tư vấn cổ phần hóa, tư vấn niêm yết và bảo lãnh phát hành. Với mục tiêu phát triển ổn định vững chắc, xem trọng việc nâng cao chất lượng dịch vụ, công ty xác định trọng tâm cho hoạt động trong giai đoạn trước mắt là phát triển tốt hệ thống Công nghệ, nâng cao đào tạo nguồn nhân lực, tăng cường nghiên cứu đầu tư phân tích chiều sâu để có dữ liệu tốt phục vụ phân tích, môi giới và tư vấn, tăng cường nguồn vốn hỗ trợ đầu tư cho phát triển công nghệ .

2. Quá trình phát triển

- Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (ORS) chính thức khai trương hoạt động ngày 17/05/2007. ORS có trụ sở chính tại 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1 Tp. Hồ Chí Minh.
- ORS chính thức trở thành thành viên giao dịch của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp. Hồ Chí Minh ngày 17/05/2007.
- ORS chính thức trở thành thành viên giao dịch của Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội ngày 15/08/2007.
- ORS khai trương Đại lý nhận lệnh Hà nội ngày 25/09/2007
- Ngày 4/1/2008: Khai trương Đại lý nhận lệnh ORS-Đồng Biên – Biên Hòa
- Ngày 24/1/2008: Khai trương Chi nhánh ORS tại Cần Thơ
- Ngày 1/2/2008: Chính thức đưa dịch vụ giao dịch trực tuyến vào hoạt động
- Ngày 5/3/2008: Khai trương phòng giao dịch của ORS tại quận Tân Bình – TP.HCM
- Tháng 9/2010 : Khai trương ORS chi nhánh Tân Bình - tiền thân là PGD Tân Bình.

3. Định hướng phát triển

3.1. Triết lý kinh doanh

Với phương châm hoạt động nhiệt tình, trung thực, vì lợi ích của khách hàng và mang tính chuyên nghiệp cao, chắc chắn ORS sẽ mang đến cho khách hàng những cơ hội đầu tư hiệu quả cùng với những dịch vụ tiện lợi và hoàn hảo nhất.

3.2. Tiêu chí quản trị

Với tiêu chí: “Hợp tác - Chia sẻ- Cùng thịnh vượng”, công ty đã tập trung hướng đến khách hàng, có trách nhiệm cung cấp những tiện ích nhằm tạo giá trị gia tăng cho khách hàng và tuân thủ pháp luật.

3.4. Phương hướng, chiến lược phát triển của Công ty trong năm 2010

- Đảm bảo tốc độ tăng trưởng và ổn định trên cơ sở mở rộng qui mô kinh doanh để đạt mục đích tối đa hoá lợi nhuận cũng như đảm bảo quyền lợi của Nhà đầu tư.

- Tiếp tục ổn định hoạt động của công ty.

- Phân đầu thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2010; gia tăng giá trị doanh nghiệp và nâng cao lợi ích cổ đông.

▲ - Nâng cao chất lượng đời sống của người lao động.

- Tăng cường công tác quản trị, đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh.

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

- Hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin để đáp ứng xu thế thị trường:

+ ORS đã thành công trong đợt thử nghiệm giao dịch từ xa của HASTC và giao dịch không sàn của HOSE. Song song với giao dịch trực tuyến, giao dịch không sàn và giao dịch từ xa tại ORS đã giúp nhà đầu tư đặt lệnh nhanh chóng và hiệu quả hơn. Đầu tư vào cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm hiện đại hoá hệ thống giao dịch cho khách hàng là một trong những ưu tiên hàng đầu của Ban lãnh đạo công ty.

- Tạo vị thế cạnh tranh đối với các công ty cùng ngành:

+ ORS không ngừng nâng cao các dịch vụ nhằm mang lại những giá trị tiện ích cho khách hàng như : dịch vụ môi giới, quản lý cổ đông, tư vấn cổ phần hóa ...

+ ORS sẽ đào tạo và đào tạo lại trình độ nghiệp vụ nhân viên cũng như tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm thu hút nhà đầu tư chiến lược, khách hàng tổ chức...

Formatted: Vietnamese

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**1. Những nét nổi bật về kết quả hoạt động năm 2009**

Hội Đồng Quản Trị Công ty gồm 5 thành viên. Trong năm 2009, Hội Đồng Quản Trị Công ty hoạt động tích cực, đã tiến hành 9 phiên họp để bàn bạc thảo luận các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị.

Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh doanh năm 2009 do đại hội cổ đông giao, cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch Đại hội cổ đông giao	Thực hiện 2009
I	Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	56 tỷ	120 tỷ
II	Lợi nhuận thực hiện (trước thuế)	4,1 tỷ	25,3 tỷ

Trong bối cảnh chung của kinh tế toàn cầu. Ngành tài chính đã rơi vào hoàn cảnh vô cùng khó khăn, thị trường chứng khoán suy giảm mạnh, hầu hết các công ty chứng khoán đều gặp khó khăn trong hoạt động tuy nhiên với sự hỗ trợ và chỉ đạo kịp thời của HĐQT, với sự nỗ lực của Ban Tổng Giám Đốc và toàn thể nhân viên, tình hình kinh doanh năm 2009 của ORS đã vượt mức kế hoạch của năm đã đề ra. Mức lãi này đã bù đắp được một phần khoản lỗ của năm 2008.

- Hoàn chỉnh việc sửa đổi một số khoản tại điều lệ công ty Chứng khoán Phương Đông phù hợp với các thay đổi về lĩnh vực kinh doanh và người đại diện pháp luật của Công ty.

2. Kế hoạch năm 2010:

Năm 2010 được dự báo nền kinh tế có nhiều triển vọng tăng trưởng cao hơn năm 2009, nhưng vẫn thấp hơn các năm trước khủng hoảng kinh tế thế giới, vì vậy vẫn dự báo là năm tiếp tục có nhiều khó khăn với cộng đồng doanh nghiệp. Trong bối cảnh đó, HĐQT xác định phương hướng hoạt động trong năm 2010 như sau:

- Chỉ đạo, quản trị công ty tiếp tục ổn định và phát triển.
- Tiến hành thủ tục niêm yết cổ phiếu ORS trên sàn Hà Nội.
- Thực hiện xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu
- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**I. Nhận xét****1, Tình hình chung:**

Năm 2009 là một năm đầy thăng trầm của thị trường chứng khoán Việt Nam. Nhìn nhận tổng quan có thể thấy năm 2009 thị trường chia làm 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 là 3 tháng đầu năm khi VN - Index sụt giảm còn 235,50 điểm, giá trị giao dịch giảm 60%, khối ngoại rút ròng 530 triệu USD tiền vốn. Giai đoạn 2 nhờ sự hồi phục của nền kinh tế thế giới, chỉ số chứng khoán và giá trị giao dịch cùng tăng vọt.

Tuy nhiên, sau đó thị trường dần hồi phục bởi sự nỗ lực của Chính phủ trong việc đưa ra các gói kích cầu vào thị trường trong nước, nhờ đó một lượng tiền lớn đã được “bơm” trực tiếp cho ngân hàng để khơi thông ách tắc vốn cho các doanh nghiệp. Từ mức đáy 235,50 điểm, thị trường đã đảo chiều tăng mạnh, đến tháng 11, VN-Index đã đạt trên 600 điểm. Đây là mức tăng trưởng mà ít người nghĩ tới có thể đạt được trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế thế giới. Mốc điểm này khiến các nhà đầu tư lạc quan, tin tưởng vào sự đi lên của thị trường này.

Kết thúc năm 2009, mức vốn hóa toàn thị trường chứng khoán Việt Nam là 620 nghìn tỷ đồng. So với thời điểm cuối năm 2008 là 225 nghìn tỷ đồng, mức vốn hóa đã tăng gần 3 lần; Số lượng công ty niêm yết tăng hơn 30%, đạt 447 công ty, số lượng các nhà đầu tư tăng hơn 50% so với năm 2008, đạt 739.000 tài khoản; Giá trị danh mục của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán tính đến tháng 12/2009 đạt gần 6,6 tỷ USD, tăng gần 1,5 tỷ USD... Với những kết quả này, theo đánh giá của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), thị trường chứng khoán Việt Nam đã có sự tăng trưởng mạnh do tác động tích cực từ kinh tế vĩ mô khởi sắc và từ hoạt động của các doanh nghiệp niêm yết liên tục khả quan. Mặt khác, kinh tế và thị trường chứng khoán quốc tế đã hồi phục qua thời kỳ khó khăn nhất, nên cũng tác động tích cực đến TTCK Việt Nam.

II. Tình hình hoạt động**1, Nghiệp vụ Môi giới - Lưu ký:**

Doanh thu của Môi giới – Lưu ký là minh chứng rõ nét của sự hồi phục của mảng nghiệp vụ này. Trong năm 2009 Công ty đã có doanh thu tốt từ hoạt động môi giới: Tổng Doanh thu từ hoạt động môi giới năm 2009 đạt 22,15 tỷ đồng, cao hơn 15,13 tỷ đồng so với năm 2008, tương đương mức tăng 215,3%, trong đó có khoản thu nhập từ nguồn thu hỗ trợ thanh toán với 6,5 tỷ đồng trên tổng doanh thu môi giới năm 2009. Số lượng tài khoản khách hàng đến cuối năm 2009 đạt 5.546 tài khoản, cao hơn 52% so với năm 2008, trong đó số lượng tài khoản có giao dịch là 2.709 tài khoản, tăng 77,8%. Phần chi phí cho bộ phận môi giới trong năm 2009 đã giảm được 15,8% so với năm trước. Tổng cộng, lợi nhuận thuần từ hoạt động môi giới năm 2009 đạt **17,7 tỷ đồng**, tăng 15,96 tỷ đồng so với năm 2008, tương đương mức tăng 928,7%. Đây là một trong những nguồn đóng góp đáng kể vào lợi nhuận chung của công ty chiếm 42% trong năm nay. Tỷ suất sinh lợi từ hoạt động môi giới năm 2009 đạt 79,8%, cao hơn nhiều so với mức của năm 2008 là 24,5%.

Về cơ cấu doanh thu môi giới chứng khoán niêm yết trong năm 2009 của toàn hệ thống, Môi giới Hội sở chiếm 64% tổng doanh thu; tiếp đó là chi nhánh Tân Bình chiếm 31% và chi nhánh Cần Thơ chiếm 5%.

Ngoài yếu tố khách quan là thị trường hồi phục đã mang lại thành công trên cho Công ty còn phải kể đến một yếu tố chủ quan là sự nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên bộ phận môi giới và các chi nhánh, là sự linh hoạt về chủ trương và nhạy bén nắm bắt nhu cầu của khách hàng, triển khai kịp thời những dịch vụ hỗ trợ như hỗ trợ thanh toán và ứng trước tiền bán nên việc thu hút khách hàng và khuyến khích khách hàng giao dịch trở nên cạnh tranh hơn, do đó cơ cấu lợi nhuận chung của nghiệp vụ đã được cải thiện đáng kể.

Trong năm 2010, Công ty sẽ tiếp tục phát huy những thành quả đạt được trong năm 2009, đồng thời triển khai một số giải pháp làm gia tăng thị phần thông qua việc phát triển nguồn nhân lực, chuyên viên môi giới có chất lượng cao; Chú trọng công tác đào tạo về chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp cho nhân viên môi giới; Mở rộng hoạt động sang các thị trường tiềm năng ở các tỉnh thành như Hà Nội, Bình Dương... nhân rộng mô

hình hợp tác tương tự như chi nhánh Đồng Biên; Tiếp tục triển khai và mở rộng dịch vụ Hỗ trợ thanh toán và ứng trước tiền bán, đi đôi với việc tăng cường giám sát và quản lý rủi ro trong nghiệp vụ này; Tăng cường sự hỗ trợ từ Phòng Phân tích nhằm gia tăng chất lượng tư vấn đầu tư cho khách hàng. Về phía Ban giám đốc và bộ phận Nhân sự sẽ đề xuất khen thưởng xứng đáng để khích lệ tinh thần làm việc hiệu quả của các đơn vị

2, Nghiệp vụ Tư vấn - Phân tích:

Hoạt động tư vấn trong năm 2009 đóng góp gần 600 triệu đồng vào lợi nhuận chung của công ty, tăng hơn 289 triệu đồng so với mức lợi nhuận đạt được trong năm 2008, tương đương với mức tăng 93,29%. Doanh thu tư vấn năm 2009 là 688 triệu đồng, tăng 270 triệu đồng (tương đương 65%) so với doanh thu tư vấn trong năm 2008. Về chi phí hoạt động tư vấn cũng Chi phí đã giảm 19 triệu đồng (tương đương 17%) so với năm 2008. Số lượng hợp đồng tư vấn ký mới năm 2009 đạt 28 hợp đồng, tăng 100% so với số lượng kí kết được của năm 2008. Doanh số theo hợp đồng kí mới năm 2009 đạt 1,025 tỷ đồng, tăng 91,6 % so với doanh số năm 2008, và đạt 85% kế hoạch đề ra. Tỷ suất lợi nhuận năm 2009 đạt 87,1%, cao hơn so với mức tỷ suất lợi nhuận năm 2008 là 74.3%.

Nhìn chung, công tác tư vấn trong năm 2009 phải đối mặt với sự cạnh tranh mạnh mẽ về giá phí cung cấp dịch vụ giữa các Công ty chứng khoán, dẫn đến doanh thu về phí chỉ đạt 85% kế hoạch cho dù số lượng hợp đồng ký mới vượt 12% kế hoạch. Trong số 28 hợp đồng ký kết năm 2009 có 8 hợp đồng được ký kết với các Công ty thuộc hệ thống Bến Thành Group, điều đó cho thấy sự khó khăn mở rộng phát triển khách hàng trong nhóm khách “không thân thuộc”. Qua kết quả thu được trong năm 2009, để việc phát triển khách hàng của mảng dịch vụ tư vấn được tốt hơn, bộ phận Tư vấn – Phân tích đã lập và triển khai kế hoạch tách bạch công tác Tư vấn và Phân tích, tuyển dụng nhân sự có kỹ năng thu hút và phát triển khách hàng; phối hợp với các chi nhánh trong hệ thống để tìm kiếm khách hàng.

3, Hoạt động Tự doanh:

Đối với hoạt động tự doanh Công ty đã thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh như sau:

- Thực hiện nghiệp vụ hợp tác đầu tư (HTĐT)(mua bán cổ phiếu có kỳ hạn – Repo trước đây) đối với các cổ phiếu chưa niêm yết (OTC): Hoạt động này khá hiệu quả trong năm 2009 với tổng doanh thu đạt tổng cộng 9,7 tỷ đồng , thấp hơn 30% so với năm 2008 nhưng hiệu quả đạt được lại cao hơn do cơ cấu chi phí thấp hơn là 2,3 tỷ đồng, ít hơn 9,8 tỷ đồng so với năm 2008 (tương ứng 81%). Tổng thu nhập từ hoạt động này đạt 7,4 tỷ đồng, thấp hơn 2,85 tỷ đồng (-27.9%) so với năm 2008. Tổng giá trị HTĐT đến cuối năm 2009 là 112,65 tỷ đồng, trong đó 60% khách hàng có dư nợ bình thường, 39,4% khách hàng đang nợ phí, còn 0,6% là khách hàng khó đòi (đã sang tên, chờ xử lý). Tỷ suất sinh lợi năm 2009 từ hoạt động HTĐT là 76%, cao hơn rất nhiều so với mức của năm 2008 là 45.6%.

Kinh nghiệm cho thấy hoạt động HTĐT tuy mang lại doanh thu ổn định nhưng tiềm ẩn nhiều rủi ro, hiệu quả sử dụng vốn chưa cao do vòng quay của dòng tiền còn hạn chế. Hơn nữa việc xử lý các trường hợp vi phạm hợp đồng rất khó khăn do thị trường OTC đóng băng. Chính vì lẽ đó mà giải pháp tối ưu để nâng hiệu quả của mảng nghiệp vụ này là xử lý dứt điểm các trường hợp vi phạm hợp đồng, cơ cấu lại các hợp đồng đã ký, tăng cường thu hồi vốn để bổ sung cho các nghiệp vụ sinh lợi khác.

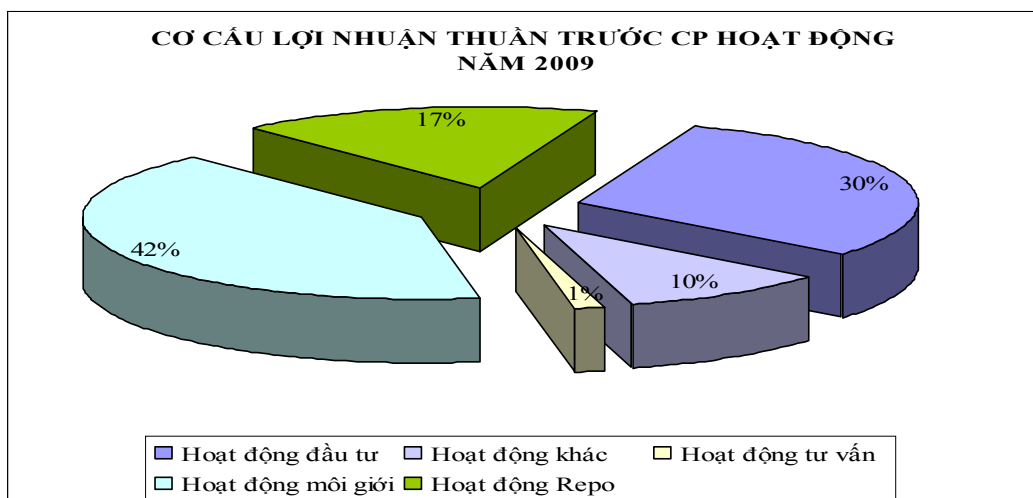
- Lợi nhuận từ hoạt động khác: Có thể tóm tắt kết quả của hoạt động này qua bảng minh họa sau:

CHỈ TIÊU	NĂM 2008	NĂM 2009	+/-	%
Thu hoạt động khác & thu nhập ngoài kinh doanh	4,055,869,568	4,318,314,346	262,444,778	6.5%
Chi hoạt động khác & giảm trừ doanh số	21,840,572,817	50,078,594	- 21,790,494,223	-99.8%
Lãi/lỗ hoạt động khác	-17,784,703,249	4,268,235,752	22,052,939,001	124.0%

Ngoài đóng góp từ các hoạt động chính của Công ty, khoản lợi nhuận khác ngoài kinh doanh năm 2009 đạt 4,27 tỷ đồng, cao hơn nhiều so với mức lỗ 17,78 tỷ đồng của năm 2008. Nguyên nhân là do năm 2009 Công ty có khoản thu nhập khác đạt 4,31 tỷ đồng (của năm 2008 là 4,05 tỷ đồng), trong khi chi phí hoạt động khác chỉ hơn 50 triệu đồng, trong khi chi phí khác của năm 2008 là 21,84 tỷ đồng. Chiếm 30% trong nguồn thu của toàn công ty.

Formatted: Vietnamese

Tóm tắt về kết quả hoạt động kinh doanh của ORS trong năm 2009 theo sơ đồ sau:



4, Phát triển công nghệ:

Năm 2009 là năm đánh dấu sự trưởng thành của phòng Công nghệ thông tin với việc triển khai thành công giao dịch không sàn với Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và giao dịch từ xa với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Với đội ngũ nhân viên chỉ có 8 nhân sự, phòng CNTT đã cố gắng sắp xếp nhân sự giám sát và quản lý hệ thống để đảm bảo giao dịch được thông suốt. Từ tháng 9/2009 phòng bắt đầu triển khai dự án core mới mà không tăng nhân sự. Việc phối hợp với các phòng ban nghiệp vụ trong công ty để bổ sung và hoàn thiện các qui trình nghiệp vụ, xây dựng hệ thống báo cáo quản trị nội bộ đồng thời tập trung triển khai core mới đã phần nào chứng tỏ năng lực quản lý của các chuyên viên trong phòng.

Ngoài ra, phòng CNTT cũng sẽ lập kế hoạch để xây dựng website mới cho ORS với mục tiêu là biến website của ORS thành một trang tin tài chính chứng khoán chuyên nghiệp để cung cấp các công cụ hỗ trợ hiệu quả cho nhà đầu tư và là kênh quảng bá quan trọng, thu hút khách hàng hiệu quả cho công ty.

Để triển khai được những phần công việc trên, mảng công việc xây dựng và phát triển hệ thống hạ tầng cũng đặc biệt được chú trọng, cụ thể là các công việc chuẩn hóa hạ tầng cùng với việc triển khai Core mới; Mở rộng và nâng cấp phòng Server, lắp đặt sản phẩm kỹ thuật chống cháy; Lên kế hoạch triển khai một Backup Site và trang bị bản quyền phần mềm (Hệ điều hành, phần mềm văn phòng...) và xây dựng một Trading Online Server tại ORS.

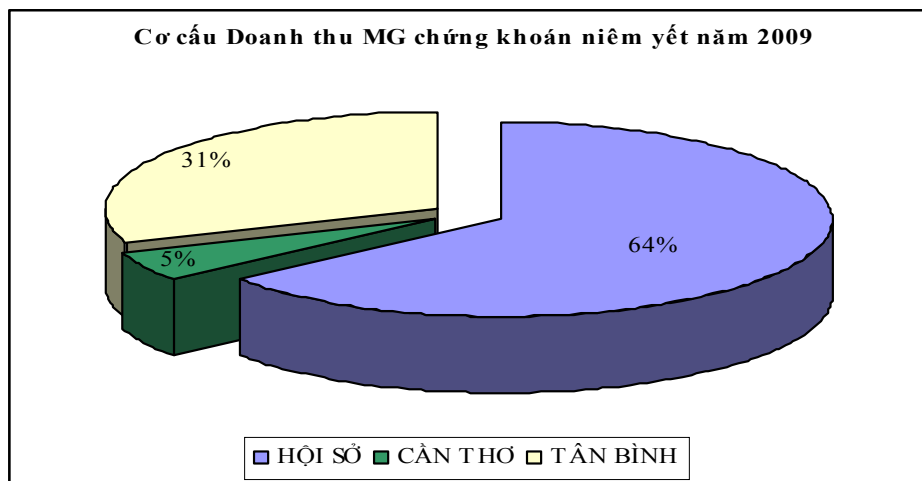
5, Công tác nhân sự:

Tổng số nhân sự Công ty đến ngày 31/12/2009 là 86 người. Mặc dù tình hình thị trường có lúc diễn tiến không thuận lợi, gây ảnh hưởng không tốt đến tâm lý làm việc của cán bộ trong công ty nhưng về cơ bản có thể nói Công ty vẫn duy trì được một đội ngũ nhân viên làm việc có trình độ chuyên môn, có tâm huyết và cam kết làm việc lâu dài đối với Công ty. Tổng số nhân viên trong công ty vào thời điểm thấp nhất là 62 người và cao nhất là 86 người. Hiện nay Tổng số nhân viên có chứng chỉ hành nghề hiện nay là 29 người. Mục tiêu ngắn hạn của bộ phận Nhân sự là tuyển nhân sự đã có chứng chỉ hành nghề để bổ sung vào vị trí còn trống và thay thế những trường hợp nhân viên nghỉ việc.

6, Phát triển mạng lưới:

Trong năm 2009, phòng giao dịch Tân Bình đã được nâng cấp thành chi nhánh Tân Bình và hoạt động rất có hiệu quả. Về nguyên tắc, đại lý nhận lệnh Đồng Biên đã có giấy phép để nâng cấp lên chi nhánh Đồng Biên. Hiện nay Hà Nội cũng đang gấp rút để hoàn tất những thủ tục cuối cùng về việc xin cấp phép thành lập chi nhánh. Trước mắt, Công ty sẽ nỗ lực triển khai mở rộng mạng lưới giao dịch thông qua hệ thống phòng giao dịch tại những nơi đã có nhiều khách hàng tiềm năng, nơi Công ty đã thiết lập được mối quan hệ với những chuyên viên môi giới có kinh nghiệm.

Các đơn vị trong hệ thống năm 2009 chỉ tập trung nghiệp vụ môi giới là chủ yếu và cơ cấu doanh thu của từng đơn vị như sau:



7, Kết quả kinh doanh năm 2009 (so với nghị quyết HĐQT thay đổi về kế hoạch lợi nhuận năm 2009)

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2009	Thực hiện 2009	Tỷ lệ thực hiện
Tổng doanh thu	82 tỷ	121 tỷ đồng	147.6%
Lợi nhuận trước thuế	22 tỷ đồng	25,3 tỷ đồng	115%

8, Đánh giá chung:

Tiếp theo sau năm 2008, năm 2009 cũng được coi là một năm khó khăn, Ban lãnh đạo Công ty đã ý thức được điều này và đã linh hoạt thay đổi phương án và kế hoạch kinh doanh chuyển đổi cơ cấu nhân sự để tăng hiệu quả và năng lực kinh doanh, cụ thể là một mặt bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ của những chuyên viên bộ phận hỗ trợ kinh doanh để xây dựng đội ngũ “back” giỏi nghiệp vụ, nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty, mặt khác chuyển đổi một bộ phận nhân viên nghiệp vụ có kỹ năng bán hàng tốt thành những chuyên viên môi giới cốt cán, đẩy mạnh doanh số bằng một hệ thống các Cộng tác viên, Chuyên viên môi giới nhằm mang tới cho khách hàng sự hài lòng về dịch vụ và chất lượng cao về tư vấn đầu tư.

Công ty đã trang bị tốt cơ sở vật chất cho các sàn giao dịch, được các nhà đầu tư đánh giá tốt và tiện lợi, đặc biệt việc phát triển công nghệ hệ thống giao dịch của ORS đã được đánh giá cao trên thị trường chứng khoán. Với nền tảng của giải pháp trong nước, chi phí thấp, công ty đã phát triển các dịch vụ hỗ trợ nhà đầu tư như đặt lệnh trực tuyến, giao dịch online. Để tạo nền tảng vững chắc về mặt công nghệ, Ban lãnh đạo đã chú trọng đầu tư, nâng cấp hệ thống giao dịch hiện thời bằng một hệ thống core mới với đầy đủ các chức năng phục vụ cho giao dịch đồng thời cũng tạo thêm giá trị gia tăng cho khách hàng khi sử dụng hệ thống này để quản trị việc đầu tư của mình một cách có hiệu quả. Đây chính là sự cam kết của Công ty đối với các khách hàng của mình, mong muốn khách hàng có được một dịch vụ hoàn hảo và tiện lợi khi giao dịch qua ORS.

III.. Báo cáo về tình hình tài chính

HĐQT và Ban Kiểm soát Công ty lựa chọn Công ty thực hiện kiểm toán công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán và nhận xét của tổ chức kiểm toán độc lập Công ty đã được đăng tải trên địa chỉ website: <http://www.ors.com.vn>. Bảng cân đối kế toán và các chỉ tiêu tài chính cơ bản đã thể hiện rõ động thái tình hình tài chính của ORS.

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2009

Dvt: đồng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	19.93	33.37
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		80.07	66.63
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	48.32	40.49
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn		51.68	59.51
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.461	0.30
	- Khả năng thanh toán hiện hành		2.07	1.65
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	6.4	-39.02
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		12.5	-243.75
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		21	-65.57

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009 :8.402 đồng

- Tổng số cổ phiếu lưu hành : 24.000.000 CP

- Số lượng cổ phiếu dự trữ; cổ phiếu quỹ : không

- Cổ tức chia cho các cổ đông : không

IV, KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2010

1. Phương hướng và mục tiêu chung:

Thị trường chứng khoán Việt Nam đã phục hồi nhưng do những rủi ro từ các chính sách vĩ mô điều hành tiền tệ và thâm hụt ngân sách, thâm hụt cán cân thương mại nên khó kỳ vọng trong năm 2010 nhà nước sẽ có những chính sách mang tính đột phá để hỗ trợ cho thị trường. Hội Đồng Quản Trị, Ban điều hành đã thống nhất tập trung mọi nỗ lực để phấn đấu khắc phục những tổn thất của năm trước, duy trì hoạt động công ty ổn định, tìm kiếm đối tác, tìm kiếm khách hàng, đảm bảo có và phát huy những thành quả đạt được Công ty năm 2009. Với mục tiêu đề ra cho năm 2009 là “ **Tập trung vào các hoạt động dịch vụ khách hàng, đặc biệt là hoạt động môi giới chứng khoán niêm yết, phát triển thị phần và tìm kiếm các cơ hội hợp tác, đưa ORS lên top 20 của các công ty chứng khoán trong cả nước**”.

2. Kế hoạch tài chính năm 2010 :

- Doanh thu đạt 70 tỷ đồng.
- Lợi nhuận gộp đạt 52.3 tỷ đồng.
- Chi phí quản lý 22,3 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 30 tỷ đồng.

3. Biện pháp tổ chức thực hiện

- ✓ Xây dựng mô hình bộ máy quản lý Công ty mới trên cơ sở chuyên nghiệp và hiệu quả. Xây dựng chế độ lương và hoa hồng thích hợp cho đội ngũ nhân viên, cộng tác viên và chuyên viên để thu hút nhân sự mới và củng cố, phát huy tinh thần làm việc và gắn bó với Công ty của toàn thể nhân viên trong công ty.
- ✓ Tăng cường việc tìm kiếm khách hàng, mở rộng địa bàn tại Hà Nội và các thành phố lớn trong nước. Xây dựng chính sách phát triển khách hàng cụ thể như: Tăng cường các dịch vụ hỗ trợ khách hàng, các chiến lược PR, marketing hiệu quả và phù hợp trong từng giai đoạn.
- ✓ Hoàn thiện việc thay đổi hệ thống công nghệ mới hiện đại, cung cấp các dịch vụ mới và hỗ trợ khách hàng ở mức cao nhất. Cải tiến phương thức quản trị nội bộ, xây dựng các chương trình hỗ trợ nghiệp vụ.
- ✓ Tăng cường tính cạnh tranh trên thị trường của ORS để thu hút các chuyên viên môi giới giỏi, các khách hàng lớn qua các sản phẩm dịch vụ mới, cạnh tranh và hiệu quả.
- ✓ Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát và quản lý rủi ro nhằm đảm bảo hoạt động được an toàn và tuân thủ theo quy định của pháp luật.



- 5, 02 Huỳnh Khương Ninh St., Da Kao Ward, District 1, HCMC
Tel : (84-8) 3910 5401
Fax : (84-8) 3910 5402
Email : vietland@vietlandaudit.com.vn
Website : www.vietlandaudit.com.vn

Số: 0063/2010/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Phương Đông gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 15 tháng 01 năm 2010, từ trang 06 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Báo cáo tài chính năm 2008 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán được thừa nhận tại Việt Nam và các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến Chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Phương Đông tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2010



VÔ THẾ HOÀNG – Giám đốc điều hành
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0484/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

VĂN NAM HẢI - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0832/KTV

- 6 -

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		312.406.462.785	197.605.100.754
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	86.887.749.790	35.836.933.992
1. Tiền	111		86.887.749.790	35.836.933.992
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.3	29.100.634.794	12.629.378.800
1. Đầu tư ngắn hạn	121		36.579.954.508	47.677.200.848
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(7.479.319.714)	(35.047.822.048)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		187.949.366.109	139.169.126.108
1. Phải thu khách hàng	131	VI.8	2.781.347.617	-
2. Trả trước cho người bán	132	VI.8	1.667.639.190	606.459.588
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	134	VI.8	6.788.519.600	873.622.722
4. Các khoản phải thu khác	135	VI.8	176.711.859.702	137.689.043.798
IV. Hàng tồn kho	140			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.468.712.092	9.969.661.854
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.4	518.247.646	520.528.219
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		7.950.464.446	9.449.133.635
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		77.759.146.818	98.943.619.962
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		3.837.460.966	5.459.189.224
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.5	3.231.635.777	4.724.246.519
Nguyên giá	222		7.138.797.640	6.873.608.343
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.907.161.863)	(2.149.361.824)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.6	605.825.189	734.942.705
Nguyên giá	228		1.189.469.550	1.014.689.550
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(583.644.361)	(279.746.845)
III. Bất động sản đầu tư	240			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.3	72.307.936.357	91.770.553.799
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	258		98.402.040.074	129.812.661.877
Chứng khoán sẵn sàng để bán			98.402.040.074	129.812.661.877
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(26.094.103.717)	(38.042.108.078)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.613.749.495	1.713.876.939
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.7	1.142.402.214	1.458.215.616
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán		VI.9	471.347.281	255.661.323
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		390.165.609.603	296.548.720.716

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

- 7 -

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		188.526.211.080	120.083.986.275
I. Nợ ngắn hạn		310		188.482.431.682	120.083.986.275
1. Vay và nợ ngắn hạn		311		29.500.000.000	-
2. Người mua trả tiền trước		313		257.000.000	6.004.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	VI.10	1.173.492.291	1.111.671.806
4. Phải trả người lao động		315		429.775.980	255.392.000
5. Chi phí phải trả		316	VI.11	130.844.906	117.817.135
6. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		321		7.394.072.414	141.518.817
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		328	VI.12	149.597.246.091	112.453.586.517
II. Nợ dài hạn		330		43.779.398	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		43.779.398	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		201.639.398.523	176.464.734.441
I. Vốn chủ sở hữu		410		201.617.164.405	176.315.649.271
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	VI.13	240.000.000.000	240.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412	VI.13	50.000.000.000	50.000.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính		418	VI.13	1.047.890.198	1.047.890.198
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	VI.13	(89.430.725.793)	(114.732.240.927)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		22.234.118	149.085.170
Quỹ khen thưởng phúc lợi			VI.13	22.234.118	149.085.170
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		390.165.609.603	296.548.720.716

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán lưu ký			466.139.650.000	152.943.650.000
Trong đó:				
Chứng khoán giao dịch			412.496.640.000	152.943.650.000
Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước			412.496.640.000	152.943.650.000
Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài			-	-
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch			53.643.010.000	-
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước			53.643.010.000	-
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài			-	-



VŨ HỒNG HẠNH
Tổng Giám đốc

NGUYỄN TRÁI MINH PHƯƠNG
Kế toán trưởng

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

- 8 -

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

(Có so sánh số liệu năm 2008)

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết Minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01	VII.1	120.477.288.818	73.740.050.025
Trong đó:				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	02		15.668.590.635	6.161.039.377
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn			10.675.276.218	33.236.390.773
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	10		-	-
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán			-	72.137.364
- Doanh thu hoạt động tư vấn	11		691.341.240	-
- Doanh thu lưu ký chứng khoán			-	-
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu tư	20		-	-
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản			-	-
- Doanh thu khác	21		93.442.080.725	34.270.482.511
2. Các khoản giảm trừ doanh thu			56.172.843	21.835.500.337
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	22		120.421.115.975	51.904.549.688
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	23	VII.2	77.605.464.150	147.992.884.604
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh			42.815.651.825	(96.088.334.916)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	VII.3	17.686.125.091	19.770.557.939
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh			25.129.526.734	(115.858.892.855)
8. Thu nhập khác	25		171.989.320	153.952.309
9. Chi phí khác			920	-
10. Lợi nhuận khác	30		171.988.400	153.952.309
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.301.515.134	(115.704.940.546)
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		25.301.515.134	(115.704.940.546)
15. Lợi nhuận trên cổ phiếu	70		1.054	(4.821)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2010



VŨ HỒNG HẠNH
Tổng Giám đốc

NGUYỄN TRẤT MINH PHƯƠNG
Kế toán trưởng

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

- 10 -

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận I, Tp. Hồ Chí Minh.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Phương Đông (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Môi giới chứng khoán. Tự doanh chứng khoán. Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán. Lưu ký chứng khoán.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
 Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
 Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là năm tài chính thứ 3 của Công ty.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
 Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND);
 Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế.
 Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009.

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
 Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới được ban hành theo quyết định số 15/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán đối với Công ty chứng khoán.
2. **Hình thức kế toán áp dụng**
 Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

- 11 -

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán, tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư cổ phiếu, trái phiếu tự doanh có thời hạn dưới 12 tháng được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Giá gốc của khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là giá mua trên thị trường mua bán chứng khoán và các chi phí liên quan về mua chứng khoán như chi phí môi giới và các chi phí giao dịch mua chứng khoán tự doanh.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn là khoản chênh lệch giữa giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo Hóa đơn chứng từ.

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

Các khoản chi phí trả trước về công cụ, dụng cụ văn phòng, chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí trong vòng 12 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình**Nguyên tắc đánh giá**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào doanh thu hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

TSCĐ khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

- 12 -

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Thời gian khấu hao của các nhóm TSCĐ như sau:

<u>Nhóm TSCĐ</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05- 08

7. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao từ 03-05 năm.

8. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư cổ phiếu OTC có thời hạn luân chuyển và thu hồi vốn trên 1 năm.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn là khoản chênh lệch giữa giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước công cụ dụng cụ không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định được phân bổ từ 14 tháng đến 36 tháng kể từ khi đưa vào sử dụng.

10. Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 25% lợi nhuận thu được.

Năm 2009 Công ty kinh doanh có lãi nhưng đang thực hiện chuyển lỗ nên không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ vốn được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện xong và xuất hóa đơn giá trị gia tăng;

Doanh thu môi giới mua chứng khoán được ghi nhận tại ngày phát sinh giao dịch, khi nghiệp vụ giao dịch chứng khoán đã khớp lệnh;

Doanh thu môi giới bán chứng khoán được ghi nhận tại ngày T+3, khi nghiệp vụ giao dịch chứng khoán đã khớp lệnh;

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn là chênh lệch lãi từ các hoạt động tự doanh chứng khoán của Công ty, thu lợi từ cổ tức cổ phiếu và lãi trái phiếu.

Doanh thu khác là lãi tiền gửi, thu phí từ dịch vụ khác và lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với Doanh thu trong kỳ.

14. Nguồn vốn, quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là nguồn vốn góp cổ phần của các cổ đông.

- 13 -

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các bên có liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh VIII.2.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
(a) Tiền mặt	8.337.133	496.858.428
Tiền mặt tại VND	8.337.133	496.858.428
(b) Tiền gửi ngân hàng	83.819.293.678	33.014.778.564
Tiền gửi VND	83.819.293.678	33.014.778.564
Tiền gửi của Công ty ORS	52.135.844.683	9.313.263.613
Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư giao dịch chứng khoán	31.683.448.995	23.701.514.951
Tiền gửi USD quy đổi VND	-	-
(c) Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	3.060.118.979	2.325.297.000
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	86.887.749.790	35.836.933.992

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
Của Công ty chứng khoán	10.376.647	314.181.147.431
Cổ phiếu	10.376.647	314.181.147.431
Của nhà đầu tư	271.065.458	2.710.654.580.000
Cổ phiếu	271.065.458	2.710.654.580.000
Cộng	281.442.105	3.024.835.727.431

3. Tình hình đầu tư tài chính

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán ngày 31/12/2009	Số với giá thị trường (giảm)	Tổng giá trị theo giá thị trường ngày 31/12/2009
Chứng khoán thương mại	896.662	36.579.954.508	(7.479.319.714)	29.100.634.794
Chứng khoán đầu tư	3.318.281	98.402.040.074	(26.094.103.717)	72.307.936.357
Chứng khoán sẵn sàng để bán	3.318.281	98.402.040.074	(26.094.103.717)	72.307.936.357
Đầu tư góp vốn	-	-	-	-
Đầu tư tài chính khác	-	-	-	-
Cộng	4.214.943	134.981.994.582	(33.573.423.431)	101.408.571.151

- 14 -

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

4. Chi phí trả trước ngắn hạn

STT	Chi phí	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
1.	Chi phí đồng phục	1.483.636	37.363.630	33.467.266	5.380.000
2.	Công cụ, dụng cụ	-	250.708.945	195.031.324	55.677.621
3.	Chi phí bảo hiểm	-	18.174.000	18.174.000	-
4.	Chi phí khác	519.044.583	3.370.504.607	3.432.359.165	457.190.025
	Cộng	520.528.219	3.676.751.182	3.679.031.755	518.247.646

5. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Dụng cụ quân lý	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Cộng
I. Nguyên Giá						
1. Số đầu năm	93.520.000	5.592.152.707	-	1.158.247.636	29.688.000	6.873.608.343
2. Tăng trong năm	-	437.884.456	-	-	-	437.884.456
3. Giảm trong năm	-	172.695.159	-	-	-	172.695.159
4. Số cuối năm	93.520.000	5.857.342.004	-	1.158.247.636	29.688.000	7.138.797.640
II. Giá Trị Hao Mòn						
1. Số đầu năm	33.859.445	1.843.893.564	-	256.764.815	14.844.000	2.149.361.824
2. Tăng trong năm	31.173.333	1.747.172.291	-	48.494.150	9.896.000	1.836.735.774
3. Giảm trong năm	-	78.935.735	-	-	-	78.935.735
4. Số cuối năm	65.032.778	3.512.130.120	-	305.258.965	24.740.000	3.907.161.863
III. Giá Trị còn lại						
1. Số đầu năm	59.660.555	3.748.259.143	-	901.482.821	14.844.000	4.724.246.519
2. Số cuối năm	28.487.222	2.345.211.884	-	852.988.671	4.948.000	3.231.635.777

- 15 -

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

6. Tài sản cố định vô hình

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Cộng TSCĐ vô hình</i>
I. Nguyên Giá		
1. Số đầu năm	1.014.689.550	1.014.689.550
2. Tăng trong năm	174.780.000	174.780.000
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số cuối năm	1.189.469.550	1.189.469.550
II. Giá Trị Hao Mòn		
1. Số đầu năm	279.746.845	279.746.845
2. Tăng trong năm	303.897.516	303.897.516
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số cuối năm	583.644.361	583.644.361
III. Giá Trị còn lại		
1. Số đầu năm	734.942.705	734.942.705
2. Số cuối năm	605.825.189	605.825.189

7. Chi phí trả trước dài hạn

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Công cụ dụng cụ</i>	<i>Chi phí thuê Server, đường truyền</i>	<i>Cộng</i>
1. Số đầu năm	1.378.155.866	80.059.750	1.458.215.616
2. Tăng trong năm	266.492.299	31.800.000	298.292.299
- Mua sắm	-	31.800.000	31.800.000
- Tăng khác	266.492.299	-	266.492.299
3. Giảm trong năm	548.123.345	65.982.356	614.105.701
- Phân bổ vào chi phí trong năm	281.631.046	65.982.356	347.613.402
- Giảm khác	266.492.299	-	266.492.299
4. Số cuối năm	1.096.524.820	45.877.394	1.142.402.214

Ghi chú: Tăng khác trong năm là do chuyển Công cụ dụng cụ từ Chi nhánh Cần thơ về Hội sở

- 16 -

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

8. Các khoản phải thu

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm			Số phát sinh trong năm		Số dư cuối năm		
	Tổng số	Số quá hạn	Số nhỏ đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số nhỏ đòi
Phải thu khách hàng	-	-	-	10.022.866.360	7.241.518.743	2.781.347.617	-	-
1. Trả trước người bán	606.459.588	-	-	4.850.243.917	3.789.064.315	1.667.639.190	-	-
2. Phải thu hoạt động GDCK	873.622.722	-	-	19.359.743.415	13.444.848.537	6.788.519.600	-	-
3. Phải thu của TTGDCK	-	-	-	137.205.300	137.205.300	-	-	-
Phải thu khách hàng về giao dịch CK	873.622.722	-	-	19.222.540.115	13.307.643.237	6.788.519.600	-	-
Phải thu tổ chức phát hành CK	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	427.606.814	427.606.814	-	-	-
4. Phải thu nội bộ	-	-	-	-	-	-	-	-
5. Phải thu khác (*)	137.689.043.798	-	-	2.645.909.873.344	2.606.887.057.440	176.711.859.702	-	-
Cộng	139.169.126.108	-	-	2.680.570.335.850	2.631.790.095.849	187.949.366.109	-	-

(*) Thuyết minh chi tiết phải thu khác:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ứng nhượng quyền bán chứng khoán - Hội Sở	13.490.875.549	4.013.420.396
Ứng nhượng quyền bán chứng khoán - CN Cần Thơ	1.024.083.578	-
Phải thu hợp đồng Repo	37.849.163.702	53.677.430.796
Phải thu quỹ phúc lợi	22.593.948	-
Thu hộ công ty CP QLQ Lộc Việt	43.039.912.152	79.998.192.606
Phải thu khác	1.046.809.367	-
Phải thu hỗ trợ GDCK CP niêm yết	35.765.800.000	-
Phải thu HTĐT CP chưa niêm yết	18.193.669.900	-
Phải thu HTĐT CP chưa niêm yết Lộc Việt	14.941.013.800	-
Phải thu HT GDCK CP niêm yết CN Tân Bình	8.096.963.706	-
Phải thu HT GDCK CP niêm yết CN Cần Thơ	3.240.974.000	-
Cộng	176.711.859.702	137.689.043.798

9. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Số đầu năm	255.661.323
Tiền nộp bổ sung trong năm	208.145.696
Tiền lãi phân bổ trong năm	7.540.262
Số cuối năm	471.347.281

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng	14.337.272	2.339.232
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.088.324.659	1.088.324.659
Thuế thu nhập cá nhân	70.830.360	21.007.915
Cộng	1.173.492.291	1.111.671.806

- 17 -

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

11. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí phải trả cho Đại Lý - Công ty TNHH Đồng Biên	48.644.906	10.331.736
Trích trước chi phí thuê nhà tháng 12 Đại lý Đồng Nai	7.000.000	-
Trích trước chi phí thuê nhà 173 Nguyễn Công Trứ tháng 12	35.000.000	-
Chi phí khác	40.200.000	107.485.399
Cộng	130.844.906	117.817.135

12. Phải trả phải nộp khác

Kinh phí công đoàn	18.917.443	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	366.583	16.614.239
Bảo hiểm y tế	10.000	1.959.000
Phải trả khác	63.004.116.686	83.773.434.153
- Phải trả lãi vay vốn	362.333.333	-
- Đặt cọc đấu thầu theo ủy thác	340.000	340.000
- Phải trả lãi tiền gửi nhà đầu tư	-	219.696.165
- Phải trả Công ty CP OLC Lộc Việt	58.000.000.000	80.000.000.000
- Phải trả khác	632.943.353	1.538.927.988
- Phải trả lãi Repo Lộc Việt	884.500.000	1.711.250.000
- Phải trả Hợp đồng hợp tác kinh doanh CP niêm yết	-	303.220.000
- Phải trả Tổng Công ty Tài chính Dầu khí Việt Nam	3.124.000.000	-
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn của Nhà đầu tư	86.573.835.379	28.661.579.125
Cộng	149.597.246.091	112.453.586.517

13. Nguồn vốn kinh doanh

Năm nay	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	290.000.000.000	-	-	290.000.000.000
Vốn cổ phần	240.000.000.000	-	-	240.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	(114.732.240.927)	25.301.515.134	-	(89.430.725.793)
Các quỹ	1.196.975.368	6.565.948	133.417.000	1.070.124.316
Quỹ dự phòng tài chính	1.047.890.198	-	-	1.047.890.198
Quỹ khen thưởng phúc lợi	149.085.170	6.565.948	133.417.000	22.234.118
Quỹ hội đồng quản trị	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	176.464.734.441	25.308.081.082	133.417.000	201.639.398.523

- 18 -

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tên cổ đông	Số tiền (VND)
1. Ngân hàng TMCP Phương Đông	49.200.000.000
2. Công ty CP DV Tổng hợp Sài Gòn	24.000.000.000
3. Tổng Công ty Bến Thành	18.000.000.000
4. Nguyễn Văn Bá	3.200.000.000
5. Cổ đông khác	145.600.000.000
Tổng Cộng	240.000.000.000

Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông của cổ đông sáng lập	9.440.000
+ Cổ phiếu phổ thông của cổ đông thường	14.560.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu môi giới chứng khoán	15.668.590.635	6.161.039.377
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán góp vốn	10.675.276.218	33.236.390.773
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	-	72.137.364
- Doanh thu hoạt động tư vấn chứng khoán	691.341.240	-
- Doanh thu khác	20.352.150.599	34.270.482.511
- Doanh thu do hoàn nhập dự phòng	73.089.930.126	-
Cộng	120.477.288.818	73.740.050.025

2. Chi phí hoạt động kinh doanh

- Chi phí môi giới chứng khoán	4.658.765.033	5.242.159.416
- Chi phí hoạt động đầu tư Chứng khoán, góp vốn	36.816.891.339	56.710.345.872
- Chi phí hoạt động tư vấn	88.823.400	877.547.301
- Chi phí lưu ký chứng khoán cho nhà Đầu Tư	92.132.010	149.877.759
- Chi phí dự phòng chứng khoán tự doanh	33.573.423.431	73.089.930.126
- Chi phí khác	2.375.428.937	11.923.024.130
Cộng	77.605.464.150	147.992.884.604

- 19 -

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	8.858.330.375	8.825.151.261
- Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	182.717.875	198.923.150
- Chi phí công cụ dụng cụ đồ dùng	622.423.538	1.137.160.673
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.061.697.555	1.936.478.308
- Thuế, phí và lệ phí	4.500.000	4.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.123.754.460	5.872.232.958
- Chi phí khác bằng tiền	832.701.288	1.796.611.589
Cộng	17.686.125.091	19.770.557.939

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2008 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học.

2. Nghiệp vụ các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu sau:

Đối tượng	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
Ngân hàng TMCP Phương Đông	Cổ đông sáng lập	Chi phí thuê nhà	140.539.350
		Phí quản lý sổ cổ đông	40.000.000
		Phí môi giới	1.432.587
		Phí tư vấn tài chính	174.998.000
		Tổng Cộng	356.969.937

Cho đến ngày lập Bảng Cân Đối Kế Toán, các khoản chưa được thanh toán với bên liên quan như sau:

Đối tượng	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị phải thu (phải trả)
Ngân hàng TMCP Phương Đông	Cổ đông sáng lập	Chi phí thuê nhà	7.000.000
		Tổng Cộng	7.000.000

- 20 -

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/ Tổng số tài sản	%	80,07	66,63
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	19,93	33,37
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	48,32	40,49
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	51,68	59,51
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,07	2,47
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,66	1,65
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,461	0,30



TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2010

VŨ HỒNG HẠNH
Tổng Giám đốc

NGUYỄN TRÁT MINH PHƯƠNG
Kế toán trưởng

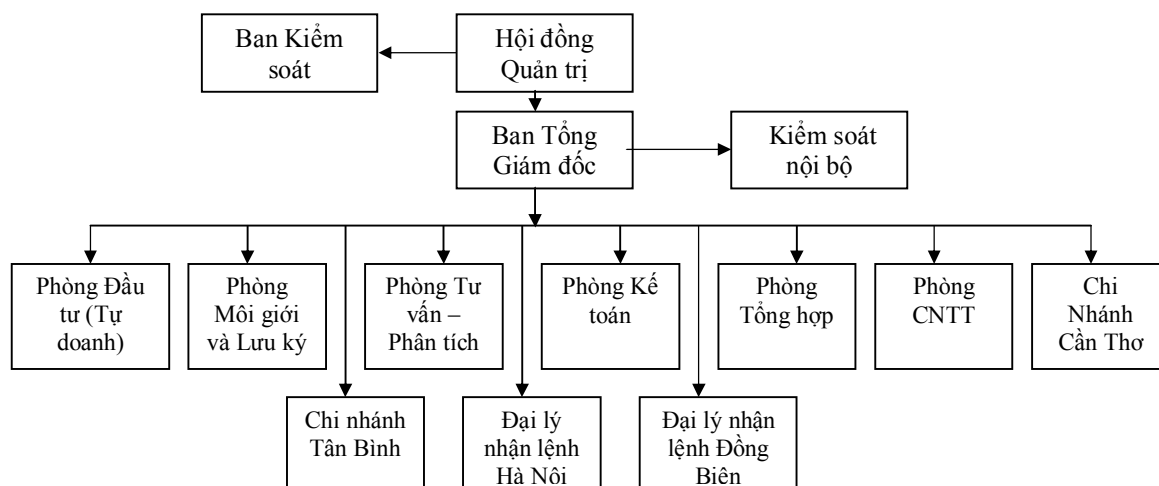
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Báo cáo về nhân sự:

- Tính đến thời điểm 31/12/2009, ORS có tổng cộng 81 CBCNV

2. Sơ đồ tổ chức

- Đến 31/12/2009 ORS đã có CBCNV đang công tác tại các phòng ban nghiệp vụ, trong đó có 05 nhân viên đang công tác tại Đại lý nhận lệnh Hà Nội, 04 nhân viên đang công tác tại Chi nhánh Cần thơ, 08 nhân viên đang công tác tại chi nhánh Tân Bình. Việc tổ chức nhân sự đã tương đối ổn định và hoạt động có hiệu quả.



3. Kế hoạch về nhân sự:

Công ty tiếp tục đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực nhằm phục vụ khách hàng tốt nhất cũng như không ngừng sắp xếp, cơ cấu lại, đảm bảo hiệu quả sử dụng lao động nhằm tiết kiệm chi phí cho công ty nhất là trong hoàn cảnh khó khăn này.

V. Thông tin về cổ đông góp vốn và quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1.1 Hội đồng quản trị

a. Cơ cấu Hội đồng Quản trị : đến 31/12/2009

- Ông Nguyễn Băng Tâm - Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông Lâm Đạo Thảo – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông Nguyễn Văn Bá – Ủy viên Hội đồng Quản trị

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

- Ông Nguyễn Vĩnh Thọ - Ủy viên Hội đồng Quản trị

b. Hoạt động của HĐQT:

Trong năm 2009, Hội đồng Quản trị đã quản lý, chỉ đạo hoạt động Công ty theo đúng pháp luật, điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra. Tập trung chỉ đạo, giám sát kịp thời hỗ trợ Ban Tổng giám đốc thông qua việc ban hành các Nghị quyết, quyết định liên quan đến lĩnh vực kinh doanh và tổ chức nhân sự lãnh đạo của Công ty phù hợp với quy chế, quy định của Nhà nước, đồng thời ban hành các quyết định, quy chế phục vụ công tác quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.2 Ban Kiểm soát:

a. Cơ cấu Ban kiểm soát: đến 31/12/2009

- Ông Tề Trí Dũng – Trưởng ban kiểm soát
- Ông Nguyễn Văn Phẩm – thành viên ban kiểm soát
- Bà Lê Thị Yến – thành viên Ban kiểm soát

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm qua, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm soát quá trình hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (ORS) với các nội dung sau:

- Kiểm tra tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2009.
- Kiểm tra báo cáo tài chính năm 2009: kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng quý nhằm đánh giá tính hợp lý của số liệu tài chính.
- Nhận xét, đánh giá việc quản lý điều hành của Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc trong thực hiện nhiệm vụ kinh doanh năm 2009.
- Kiến nghị, kết luận của Ban kiểm soát trong công tác quản lý điều hành của Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc.

1.3 Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT:

Tính đến 31/12/2008: tỷ lệ sở hữu cổ phần của các TV Hội đồng Quản trị như sau:

- Ông Nguyễn Băng Tâm - Chủ tịch Hội đồng Quản trị (1,042%/VĐL)
- Ông Lâm Đạo Thảo – Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị (2,083%/VĐL)
- Ông Nguyễn Văn Bá – ủy viên Hội đồng Quản trị (1,33% (VĐL)
- Ông Nguyễn Vĩnh Thọ - Ủy viên Hội đồng Quản trị 0,167%/VĐL)

Formatted: Vietnamese

Formatted: Vietnamese

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông:

Bảng thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông

Đvt: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thời Điểm 31/12/2009
	TỔNG VỐN ĐIỀU LỆ:	240,000,000,000

1	TRONG ĐÓ:		
	CỔ ĐÔNG TỔ CHỨC		
	+ SỐ LƯỢNG TỔ CHỨC	10	
	+ SỐ VỐN SỞ HỮU	147,37 tỷ đồng	
2	+ TỶ LỆ VỐN SỞ HỮU	61.4%	
	CỔ ĐÔNG CÁ NHÂN		
	+ SỐ LƯỢNG	214	
	+ SỐ VỐN SỞ HỮU	92,63 tỷ đồng	
	+ TỶ LỆ VỐN SỞ HỮU	38,6%	

2.1. Cổ đông trong nước

- a. Chi tiết về cơ cấu cổ đông theo như **Bảng thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông**
b. Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn: (Thời điểm 31/12/2009)

Tên	Địa chỉ	Số lượng CP SH	Tỷ lệ CP SH	Lĩnh vực kinh doanh
Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB)	45 Lê Duẩn Quận 1 TP.HCM	4.920.000	20.5%	Kinh doanh các dịch vụ cung cấp bởi một ngân hàng.
Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (SAVICO)	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Quận 1 TP.HCM	2.400.000	10,00%	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ - thương mại và đầu tư tài chính.
Tổng Công Ty Bến Thành (SUNIMEX)	71-79 Đồng Khởi Quận 1 TP.HCM	1.800.000	7,50%	Kinh doanh các dịch vụ thương mại, tài chính – ngân hàng, du lịch, bưu chính viễn thông, bất động sản và khu công nghiệp.

2.2. Cổ đông nước ngoài

Tính đến 31/12/2009, Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông chưa có cổ đông là cá nhân hoặc tổ chức nước ngoài.

TỔNG GIÁM ĐỐC
VŨ HỒNG HẠNH
ĐÃ KÝ